

Hà Nội, ngày 12/3/2020

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC
CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2019

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng

Tuần từ: 13/3/2020 đến: 19/3/2020

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

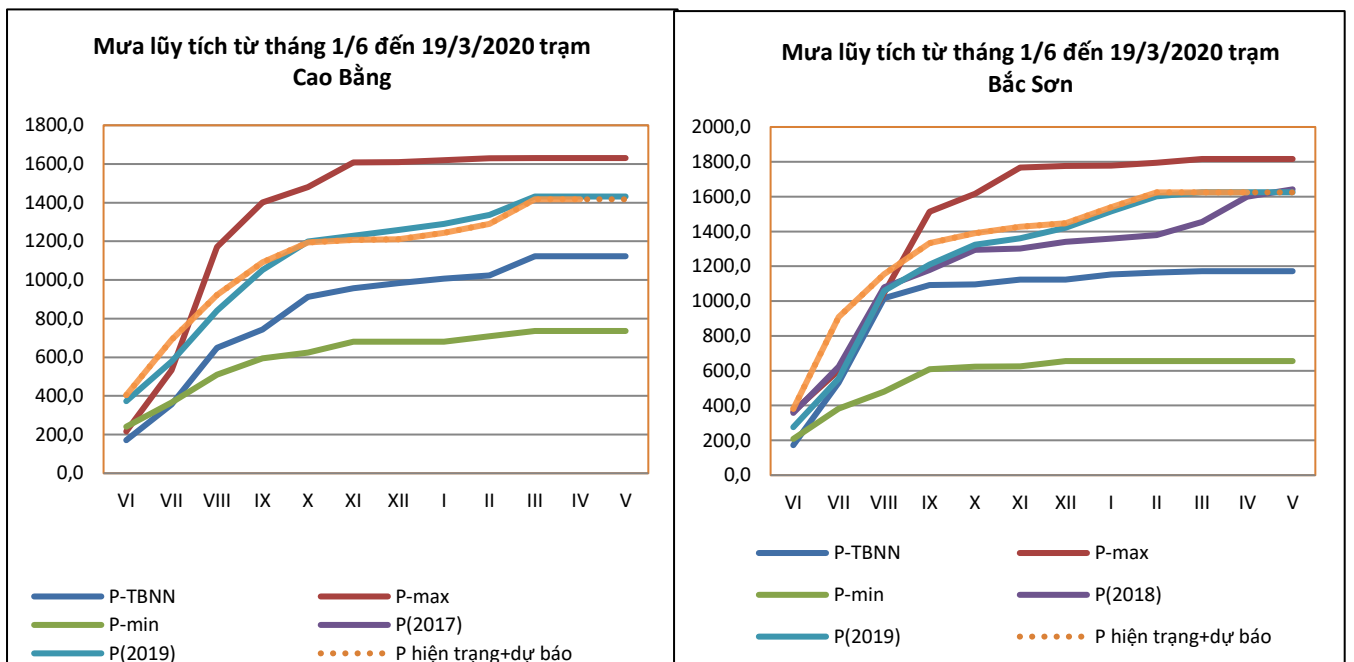
1. Lượng mưa

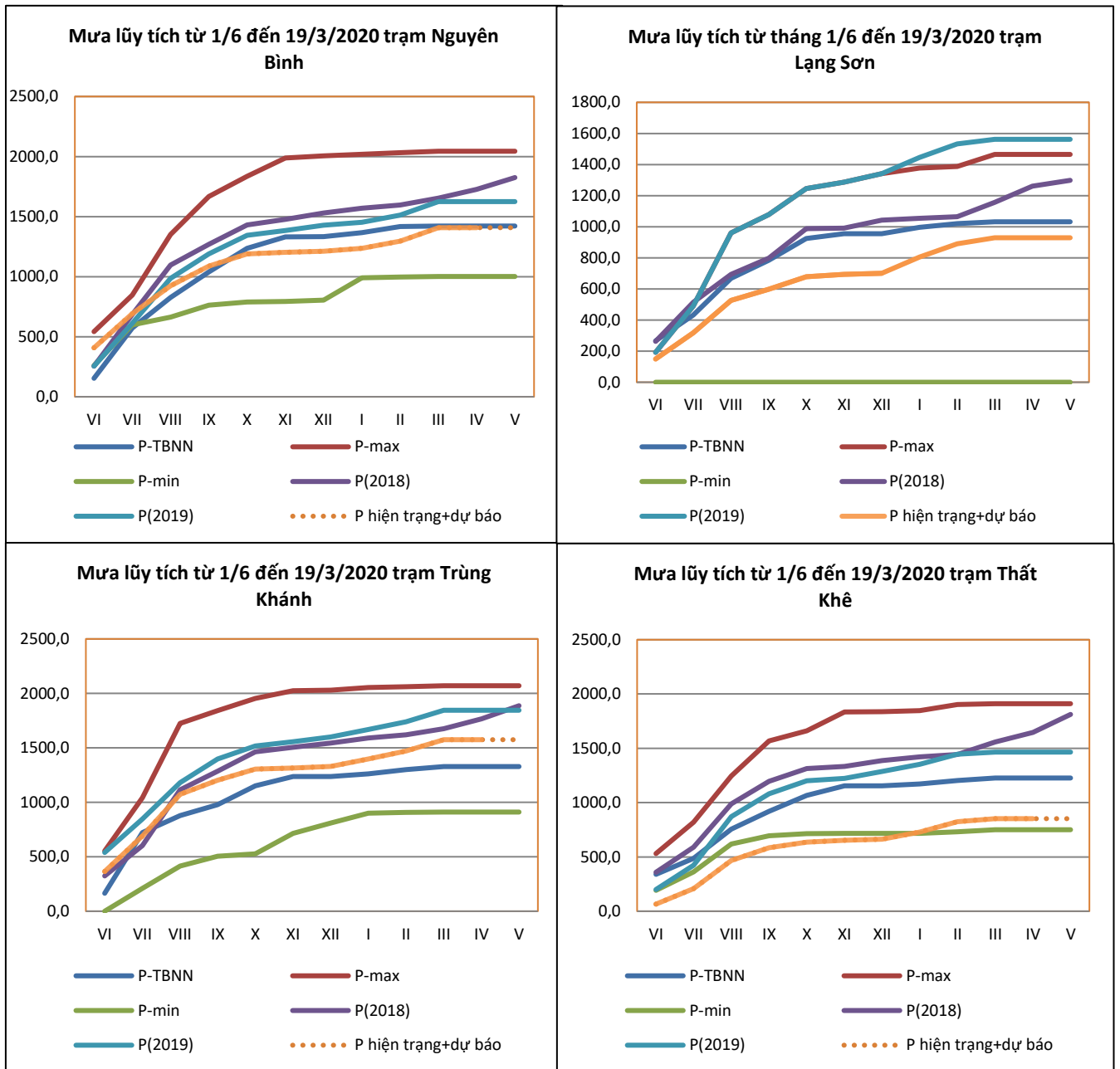
TT	Trạm	Lượng mưa trong tháng/tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2018-2019	Năm 2017-2018	
A	Cao Bằng			6%	-15%	-11%	
1	Cao Bằng	66	1483	32%	4%	15%	32
2	Nguyên Bình	0	1211	-14%	-24%	-26%	33
3	Trùng Khánh	0	1330	1%	-26%	-20%	30
B	Lạng Sơn			-1%	-31%	-17%	
4	Bắc Sơn	31	1327	13%	-23%	-6%	16
5	Đình Lập	34	1013	-14%	-38%	-22%	25
6	Hữu Lũng	47	893	-6%	-24%	-29%	23
7	Lạng Sơn	32	1011	-3%	-39%	-9%	19
8	Thất Khê	29	1183	3%	-30%	-20%	35
	Trung bình						

Nhận xét:

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/6/2019 đến 7 giờ ngày 11/3/2020 cho thấy:

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 30% so với cùng kỳ năm 2019 và thấp hơn 2% so với trung bình nhiều năm
- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 15% so với cùng kỳ năm 2019 và trên 5% so với trung bình nhiều năm





2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	W trừ hiện tại so với W _{tk} (%)	Dự kiến W trừ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
					TBNN	2019	2018	2017	
1	Khuôi lái	2,46	99,83	99,26	-0,15	13,66	68,88	Giảm	
2	Nà Tấu	1,79	99,47	95,99	-0,53	-0,53	90,66	Giảm	
3	Bản Nưa	0,81	48,55	49,12	-12,81	-18,59	31,15	Giảm	
4	Bản Việt	3,08	46,17	47,49	-45,46	-15,63	-13,93	Giảm	
5	Nà Cáy	4,31	94,81	94,80	-5,07	5,74	-4,67	Giảm	
6	Tà Keo	12,88	73,35	72,22	-9,10	-12,01	7,79	Giảm	
7	Thâm Luông	0,97	36,91	32,81	-36,71	-25,17	-21,78	Giảm	
8	Nà Tâm	1,91	62,18	60,78	-0,21	39,20	45,75	Giảm	
9	Nà Chào	2,26	68,83	66,31	3,95	32,68	45,98	Tăng	
10	Phai Danh	2,13	94,70	93,46	-1,53	8,26	29,00	Giảm	
11	Nà Pàn	0,82	0,00	0,00	-53,46	-38,29	-49,19	Giảm	
12	Bản Chành	2,02	95,23	94,31	-4,77	-4,77	6,76	Giảm	
13	Bản Chang	1,61	0,11	0,56	-66,69	-51,53		Giảm	
	Trung bình	37,04	63,09	62,09	-17,89	-5,15	19,70		

Nhận xét:

- Hiện tại, hầu hết các hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 62,18% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bản Nua tích 48,55%, Bản Viết 46,17%, Thâm lương 36,91%, 2 hồ: Nà Pàn 0%, Bản Chang 0,11% so với dung tích thiết kế do đã tháo nước để sửa chữa.
- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m³
- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 63,09 %
- Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới hầu hết các hồ đều giảm so với năm 2019, hồ Nà Chào tăng so với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do đang sửa chữa và rò rỉ nước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Nhu cầu nước

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 0,680 x 10⁶m³

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại hầu hết các hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 62,18% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bản Nua, Bản Viết, Thâm Lương, Nà Pàn và Bản Chang.

Lượng mưa và dòng chảy đến trong vụ tới được dự báo ở Lạng Sơn thấp hơn trung bình nhiều năm, Cao Bằng trên trung bình nhiều năm.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước đồ ải vụ Đông Xuân.

Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi

Đơn vị: 10⁶ m³

TT	Tên công trình	13/3/2020	14/3/2020	15/3/2020	16/3/2020	17/3/2020	18/3/2020	19/3/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,067
2	Nà Tấu	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,084
3	Bản Nua	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,004
4	Bản Viết	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,007
5	Nà Cáy	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,025
6	Tà Keo	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,193
7	Thâm Lương	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,048
8	Nà Tâm	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,032
9	Nà Chào	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,068
10	Phai Danh	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,039
11	Nà Pàn	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,037
12	Bản Chành	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,033
13	Bản Chang	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,004
14	HTTL Hồng Đại	0,01	0,01	0,01	0,01	0,00	0,00	0,00	0,038
	Tổng	0,11	0,11	0,10	0,10	0,09	0,09	0,09	0,680

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình như sau:

2. Khả năng cấp nước của các công trình

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi lái	99,83	221	99,26	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	99,47	220	95,99	100,0	220	Đủ nước
3	Bản Nua	48,55	114	49,12	100,0	114	Đủ nước
4	Bản Viết	46,17	167	47,49	100,0	167	Đủ nước
5	Nà Cáy	94,81	72	94,80	100,0	72	Đủ nước
6	Tà Keo	73,35	560	72,22	100,0	560	Đủ nước
7	Thâm Lương	36,91	127	32,81	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	62,18	106	60,78	100,0	106	Đủ nước
9	Nà Chào	68,83	198	66,31	100,0	198	Đủ nước
10	Phai Danh	94,70	103	93,46	100,0	103	Đủ nước
11	Nà Pàn	0,00	101	0,00	100,0	101	Đủ nước
12	Bản Chành	95,23	114	94,31	100,0	114	Đủ nước
13	Bản Chang	0,11	120	0,56	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		786		100,0	786	Đủ nước

Nhận xét:

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tuần tới
- Không có hạn

3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
A	Cao Bằng			60%	8%	-27%	
1		Cao Bằng	1516	106%	34%	-7%	
2		Nguyên Bình	1244	24%	-13%	-39%	
3		Trùng Khánh	1360	49%	2%	-34%	
B	Lạng Sơn			66%	-2%	-43%	
4		Bắc Sơn	1344	105%	13%	-26%	
5		Đình Lập	1037	50%	-13%	-58%	
6		Hữu Lũng	916	54%	-15%	-59%	
7		Lạng Sơn	1031	49%	-2%	-36%	
8		Thất Khê	1219	70%	5%	-35%	

Nhận xét và khuyến cáo:

- Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ 12/3 đến 19/3/2020 đạt 200% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 105% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Đông Xuân	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	TP. Cao Bằng	753	698	55					
2	H. Thông Nông	1.373	47	1.326					
3	H. Hà Quảng	4.486	194	4.292					
4	H. Trà Lĩnh	2.581	0	2.581					
5	H. Trùng Khánh	4.540	0	4.540					
6	H. Hạ Lang	2.095	345	1.750					
7	H. Quảng Uyên	3.397	98	3.299					
8	H. Phục Hòa	3.998	124	3.874					
9	H. Hòa An	4.631	1.086	3.545					
10	H. Thạch An	2.493	772	1.721					
11	H. Nguyên Bình (16/20)	3.094	82	3.012					
12	TP. Lạng Sơn	518	299	219					
13	H. Tràng Định	2.208	1.800	408					
14	H. Văn Lãng	1.266	1.104	162					
15	H. Bình Gia	1.691	1.182	510					
16	H. Bắc Sơn (4/20)	415	304	111					
17	H. Văn Quan	1.806	1.164	642					
18	H. Cao Lộc	2.387	1.557	831					
19	H. Lộc Bình (26/29)	2.631	1.793	838					
20	H. Chi Lăng (4/21)	400	125	275					
21	H. Đình Lập (5/12)	249	158	90					
22	H. Na Rì	1.298	1.229	69					
23	H. Chợ Mới (2/16)	154	118	36					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	1.120	105	1.014					
	Cộng	49.585	14.385	35.201					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày:

20/3/2020

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI